Phụ lục I

*(Kèm theo Nghị định số…./2020/NĐ-CP ngày…tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

I. BẢNG TÍNH ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CÓ GIÁ TRỊ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí | Điểm |
| I | Tiêu chí lịch sử văn hóa | 100 điểm |
| 1 | Công trình có giá trị tiêu biểu cho giai đoạn lịch sử. | 01 đến 30 điểm |
| 2 | Công trình ghi dấu mốc lịch sử, sự kiện quan trọng, gắn với nhân vật lịch sử nổi bật của quốc gia. | 01 đến 30 điểm |
| 3 | Công trình gắn với văn hóa tiêu biểu của địa phương. | 01 đến 30 điểm |
| 4 | Niên đại, tuổi thọ công trình. | 01 đến 10 điểm |
| II | Tiêu chí nghệ thuật kiến trúc, cảnh quan | 100 điểm |
| 1 | Công trình có giá trị đặc trưng tiêu biểu cho một phong cách kiến trúc, loại hình kiến trúc. | 01 đến 20 điểm |
| 2 | Giá trị nghệ thuật kiến trúc của không gian tổng thể và bản thân công trình. | 01 đến 40 điểm |
| 3 | Giá trị gắn liền với cảnh quan, đóng góp vào cảnh quan chung đô thị, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên. | 01 đến 20 điểm |
| 4 | Giá trị về kỹ thuật xây dựng, sử dụng vật liệu. | 01 đến 20 điểm |

\* Các tiêu chí được đánh giá đạt yêu cầu quy định khi đảm bảo ≥ 60 điểm.